

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2018
Về việc: “Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- * Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
- * Các hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nguyễn Quốc Bảo
 2. Bà Phan Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Nữ Thanh Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 2 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức T** – Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Tổ dân phố Tây S – phường Ba N - thành phố C – tỉnh Khánh Hòa (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Chị **Đặng Thị Dương H** - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố Lợi P – phường Cam L - thành phố C – tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2017, bản tự khai ngày 27 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Vào năm 2013, anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Dương H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường Ba N , thành phố C , tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển sổ 01/2013 ngày 23 tháng 10 năm 2013. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, các mâu thuẫn không thể giải quyết nên anh T yêu cầu Tòa án giải

quyết cho chị ly hôn với chị H .

Anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Dương H có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia B , sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013. Anh T đồng ý giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Gia B . Anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (một triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Dương H không có nợ chung.

* Bị đơn chị Đặng Thị Dương H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được cho các đương sự.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình xây dựng lập hồ sơ, xét xử tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành.

Về nội dung vụ án: Mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T ly hôn chị H, chị H trực tiếp nuôi con chung, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh T . Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị Đặng Thị Dương H . Do đó, đây là vụ án: “Ly hôn” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C , tỉnh Khánh Hòa. Tòa án nhân dân thành phố C , tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Tại phiên tòa, bị đơn chị Đặng Thị Dương H vắng mặt nhưng chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H .

Về nội dung vụ án:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Dương H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) phường Ba N , thành phố C , tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01/2013 ngày 23 tháng 10 năm 2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự thông cảm và chia sẻ lẫn nhau. Mặt khác, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không cùng nhau tìm ra biện pháp giải quyết để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Tòa án đã tiến hành xác minh tranh chấp về ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Dương H nhưng địa phương không rõ. Chị H không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh T, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, thể hiện sự thờ ơ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân và xây dựng gia đình hạnh phúc với anh T. Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Đức T yêu cầu ly hôn chị Đặng Thị Dương H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Đặng Thị Dương H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013 hiện chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T đồng ý giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Gia B, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi. Xét việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn phải đảm bảo phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Hiện tại cháu B còn nhỏ nên cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T tiếp tục giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu B; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Đặng Thị Dương H và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên anh T phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm về "Ly hôn" là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí Dân sự sơ thẩm về "Cấp dưỡng" là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Đặng Thị Dương H.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị Dương H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng Gia B , sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013 .

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) /tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Đức T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con” nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012067 ngày 18/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Anh Nguyễn Đức T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày chị Đặng Thị Dương H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Đức T chưa thi hành xong số tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Đặng Thị Dương H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.C
- CCTHCDS TP. C;
- UBND phường Ba N
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng